



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị Y tế
Vĩnh Long cơ sở Bến Tre**

Laboratory: **Control Center for Vinh Long Pharmaceutical, Cosmetics, Food and
Medical Equipment – Ben Tre Facility**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị Y tế
Vĩnh Long**

Organization: **Control Center for Vinh Long Pharmaceutical, Cosmetics, Food and
Medical Equipment**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1196**

Chuẩn mực công nhận:
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Dược
Pharmaceutical**

Người quản lý:
Laboratory manager: **Phạm Thành Công
Pham Thanh Cong**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /11/2025 đến ngày /11/2030**

Địa chỉ:
Address: **Số 52, Đường 3/2, Phường Long Châu, Tỉnh Vĩnh Long
No. 52, Street 3/2, Long Chau Ward, Vinh Long Province**

Địa điểm:
Location: **Số 113, Hùng Vương, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
No. 113, Hung Vuong Street, An Hoi Ward, Vinh Long Province**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 275 3822 705**

Email: **kiemnghiembentre@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1196

Lĩnh vực thử nghiệm: Dược

Field of testing: Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thuốc Drug	Xác định giới hạn cho phép về thể tích <i>Determination of limits on the volume</i>		Dược điển Việt Nam, Dược điển các nước, các Tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese pharmacopoeia, other pharmacopoeia, in-house specifications licensed by MoH</i>
2.		Xác định chỉ số pH <i>Determination of pH value</i>		
3.		Xác định độ đồng đều khối lượng <i>Uniformity of Weight</i>		
4.		Xác định độ rã <i>Disintegration Test</i>		
5.		Xác định độ hòa tan <i>Dissolution Test</i>		
6.	Dược liệu Herbal	Xác định tạp chất lẫn trong dược liệu <i>Determination of impurities in herbal materials</i>		
7.		Xác định chất chiết được trong dược liệu <i>Determination of extracted ingredients in Herbs material</i>		
8.		Xác định hàm lượng ethanol <i>Determination of ethanol content</i>		
9.	Thuốc, nguyên liệu làm thuốc Drug, Materials	Xác định hàm lượng tro toàn phần, tro không tan trong axit <i>Determination of total Ash content, Acid-insoluble Ash content.</i>		
10.	Thuốc, Nguyên liệu Dược liệu Drug, Materials Herbal	Cảm quan (tính chất, mô tả, hình thức) <i>Appearance (Character, description, form)</i>		
11.		Mất khối lượng do làm khô <i>Loss on drying</i>		
12.		Định tính hoạt chất chính - Phương pháp hóa học - Phương pháp sắc kí lớp mỏng - Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử (UV-Vis) - Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC) <i>Identification of active pharmaceutical ingredient</i> - Chemical method - TLC method - UV-Vis method - HPLC method		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1196

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
13.	Thuốc, Nguyên liệu Dược liệu Drug, Materials Herbal	Định lượng hoạt chất chính - <i>Phương pháp chuẩn độ thể tích</i> - <i>Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử (UV-Vis)</i> - <i>Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC)</i> <i>Assay of active pharmaceutical ingredient (API)</i> - <i>Titration method</i> - <i>UV-Vis method</i> - <i>HPLC method</i>		Dược điển Việt Nam, Dược điển các nước, các Tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese pharmacopoeia, other pharmacopoeia, in-house specifications licensed by MoH</i>
14.		Xác định tỷ trọng <i>Determination of fineness</i>		
15.		Xác định giới hạn nhiễm khuẩn: - Tổng vi sinh vật - Tổng nấm men, nấm mốc - Vi khuẩn gram âm (-) dung nạp mật <i>Determination of test for Microbial contamination:</i> - <i>Total microorganisms</i> - <i>Total Mould, Yeast</i> <i>Bile-tolerant gram-negative bacteria</i>		

Chú thích/ Note:

- Trường hợp Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị Y tế Vĩnh Long cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị Y tế Vĩnh Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Control Center for Vinh Long Pharmaceutical, Cosmetics, Food and Medical Equipment that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

